

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 24/12/2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Bà Ngô Thị Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn, huyện L (cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu U, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Thu U trình bày: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2021, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cũ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận

hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh T thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn kinh tế, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Bên cạnh đó chị và mẹ chồng còn phát sinh mâu thuẫn với nhau. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 11/02/2022. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên Tòa anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2021, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cũ. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị U.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 11/02/2022. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Uyên. Xử cho chị Lê Thị Thu U và anh Bùi Văn T được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 11/02/2022 cho chị U có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị U, anh T xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị U và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2021 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (cũ) vào ngày 10/12/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị U xác định cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh T thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn kinh tế, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Bên cạnh đó chị và mẹ chồng còn phát sinh mâu thuẫn với nhau. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ

chồng với chị U. Do mâu thuẫn nên vợ chồng anh chị đã tự sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Đồng thời qua xác minh thì được biết trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra bất đồng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Tại phiên Tòa hôm nay anh T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị U. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị U, xử cho chị U và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về con chung*: Chị U xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 11/02/2022. Khi ly hôn chị U yêu cầu được nuôi con. Qua yêu cầu của chị U thì anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay cháu B do chị U chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bên cạnh đó cháu B còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của chị U. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu nên căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 11/02/2022 cho chị U có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị U yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng. Qua yêu cầu của chị U thì anh T cũng đồng ý cấp dưỡng với số tiền nêu trên. Xét thấy số tiền mà chị U yêu cầu anh T cấp dưỡng là phù hợp với quy định nên cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung*: Chị U, anh T xác định về tài sản chung vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Chị U, anh T xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc chị U phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Buộc anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị Thu U, xử cho chị Lê Thị Thu U và anh Bùi Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 11/02/2022 cho chị Lê Thị Thu U có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Bùi Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi chung từ tháng 12/2025 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thu U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006134 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, chị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/12/2025) nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 - LĐ;
- Chi cục THADS tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Dũng